

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2803/TTr-SKHĐT ngày 19 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung, thay thế: 26 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 15 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 05 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đã được công bố tại Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố niêm yết công khai, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, TTPVHCC (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ					
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp - 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Nghị định số 92/2024/NĐ-CP). - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (Thông tư số 09/2014/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					BKHĐT). - Nghị quyết số 17/2016/NQ- HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND). - Nghị quyết 006/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định về mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Nghị quyết 006/2023/NQ-HĐND)
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo				
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			phố		- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).			
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					BKHĐT
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp - 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp - 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	hợp lệ.	huyện, thị xã, thành phố	- 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến 2023.	92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- 150.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp - 75.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND
2	Đăng ký hoạt động chi nhánh,	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện,	Không quy định	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	hồ sơ hợp lệ.	thị xã, thành phố		CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp - 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND
4	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp - 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND
5	Thông báo thay đổi nội dung đăng	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện,	- 30.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tiếp	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	được hồ sơ hợp lệ.	thị xã, thành phố	- 15.000 VNĐ nếu nộp hồ sơ trực tuyến	CP - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND - Nghị quyết 006/2023/NQ-HĐND
6	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
7	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
8	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã,	03 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.
10	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc 	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể.</p> <p>- Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p>			
11	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	<p>- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước:</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	<p>- Luật Hợp tác xã 2023;</p> <p>- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác.</p> <p>- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài:</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo</p>			

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.005125	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
2	2.002013	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
3	1.005003	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
4	1.005047	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
5	1.005122	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	
6	2.001979	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	
7	2.001957	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	
8	1.005056	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	
9	1.005072	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	
10	2.001962	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	
11	1.005064	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
12	1.005124	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
13	1.005046	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
14	1.005283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
15	2.002125	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	2.002122	Đăng ký khi hợp tác xã chia	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.
2	2.002120	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
3	1.005121	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
4	1.004972	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
5	1.004895	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	